

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIA  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST  
Ngày 14 - 5 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

***-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Khởi.

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

Ông Triệu Tiến Lã

Ông Hoàng Văn Chung

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trương Thị Hợi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Ông Lâm Văn Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TL-HSST ngày 24 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Hoàng Thị H, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1969, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khối phố II, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và bà Hoàng Thị M(đã chết). Bị cáo có 05 anh em ruột, bị cáo là người con thứ hai; chồng là Hoàng Kim T, sinh năm 1967 và 03 người con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không có; về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn T 2, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Chị Lương Thị T2, sinh năm 1983, Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1963, Địa chỉ: Thôn khối phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Anh Nông Ngọc A, sinh năm 1980, Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Ông Hoàng Kim T4, địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

6. Ông Hoàng Kim T, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 34, khối phố II, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng: Bà Hoàng Thị K, anh Hoàng Văn B. Có mặt. Bà Hoàng Thị B1. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2019, Hoàng Thị H cho nhiều người trên địa bàn huyện B và huyện B1 vay tiền với lãi suất cao vượt quá 05 lần mức lãi suất quy định của Bộ luật Dân năm 2015, vay tiền mặt trực tiếp có cầm cố tài sản và không cầm cố tùy theo mối quan hệ và số lượng tiền vay, có xác lập giấy vay tiền hoặc ghi chép sổ sách để theo dõi và tính phần trăm (%) lãi suất, việc tính lãi suất đối với người vay dựa trên số tiền vay gốc và theo sự thỏa thuận giữa hai bên, những người vay tiền gồm có:

1. Hoàng Thị T1, sinh năm 1992, trú tại thôn Tiên Đáo 2, xã Long Đông, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn vay 2 lần cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 30/5/2018, Tám vay Hoàng Thị H 25.000.000đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Đến tháng 10/2018, Hoàng Thị T1 đã trả cho Hoàng Thị H 150 ngày tiền lãi là 18.750.000đồng và chưa thanh toán tiền vay gốc. Hai bên thỏa thuận chốt nợ gốc 25.000.000đồng và không tiếp tục tính lãi đối với khoản vay này.

Với lãi suất mà Hoàng Thị H cho Hoàng Thị T1 vay nêu trên tương ứng với 182,5%/01 năm. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì lãi suất cho vay tối đa là 20%/năm, tương ứng 547,95đồng/1.000.000đồng/ngày. Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm trả lãi suất theo thỏa thuận là 150 ngày tiền lãi. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là 25.000.000 đồng x 150 ngày = 2.054.812,5đồng; số tiền mà Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 18.750.000đồng - 2.054.812,5 đồng = 16.695.187,5đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 15/6/2018, Hoàng Thị T1 đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố đẻ là ông Hoàng Kim T4 đến cầm cố, vay Hoàng Thị H 40.000.000đồng với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Đến tháng 10/2018, Hoàng Thị T1 đã trả cho Hoàng Thị H 120 ngày tiền lãi là 19.200.000đồng và chưa thanh toán được tiền vay gốc. Hai bên thỏa thuận chốt nợ gốc 40.000.000đồng và không tiếp tục tính lãi đối với khoản vay.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm trả lãi theo thỏa thuận là 120 ngày. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa

là  $547,95\text{đồng}/1.000.000\text{đồng} \times 40.000.000\text{đồng} \times 120 \text{ ngày} = 2.630.160\text{đồng}$ ;  
số tiền Hương thu lợi bất chính là:  $19.200.000\text{đồng} - 2.630.160\text{đồng} = 16.569.840\text{đồng}$ .

Sau khi chốt tiền vay gốc và không còn tiếp tục tính lãi suất, Hoàng Thị T1 đã trả cho Hoàng Thị H 25.000.000 đồng tiền gốc, còn lại số tiền 40.000.000 đồng đến nay Hoàng Thị T1 chưa trả được cho Hoàng Thị H.

Tổng số tiền Hoàng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc cho Hoàng Thị T1 vay là  $16.695.187,5 \text{ đồng} + 16.569.840 \text{ đồng} = 33.265.027,5 \text{ đồng}$ .

2. Lương Thị T2, sinh năm 1983, trú tại thôn Thuận Như I, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn vay 2 lần cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 30/4/2018 âm lịch, Lương Thị T2 đến nhà Hoàng Thị H vay 40.000.000đồng với lãi suất  $5.000\text{đồng}/1.000.000\text{đồng}/01 \text{ ngày}$ . Sau khi vay, Lương Thị T2 chỉ trả được cho Hoàng Thị H số tiền lãi là 3.000.000đồng. Đến 25/11/2018, hai bên thỏa thuận tính 05 tháng tương đương với 150 ngày tiền lãi là 30.000.000đồng; chốt nợ là 67.000.000 đồng và không tiếp tục tính lãi suất.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm tính lãi chốt nợ theo thỏa thuận là 150 ngày. Như vậy, số tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là  $547,95 \text{ đồng}/1.000.000\text{đồng} \times 40.000.000\text{đồng} \times 150 \text{ ngày} = 3.287.700\text{đồng}$ ; số tiền Hoàng Thị H đã tính để thu lợi bất chính là  $30.000.000\text{đồng} - 3.287.700\text{đồng} = 26.712.300\text{đồng}$ , nhưng thực tế Hoàng Thị H mới chỉ thu được 3.000.000 đồng tiền lãi.

Khoản vay thứ hai: Ngày 09/5/2018 âm lịch, Lương Thị T2 vay Hoàng Thị H 30.000.000đồng với lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm). Đến ngày 25/11/2018, hai bên thỏa thuận tính tổng cộng 05 tháng tiền lãi là 15.000.000đồng, chốt nợ 45.000.000đồng và không tiếp tục tính lãi suất. Tuy nhiên, đến nay Lương Thị T2 vẫn chưa trả được tiền lãi và gốc cho Hoàng Thị H.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm tính lãi và chốt nợ theo thỏa thuận là 05 tháng tiền lãi; tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là  $30.000.000\text{đồng} \times 1,667\%/tháng \times 05 \text{ tháng} = 2.500.500\text{đồng}$ ; số tiền Hoàng Thị H đã tính để thu lợi bất chính là  $15.000.000\text{đồng} - 2.500.500\text{đồng} = 12.499.500\text{đồng}$ , nhưng thực tế Hoàng Thị H chưa thu được tiền lãi.

Sau khi chốt nợ của cả hai khoản vay trên, Lương Thị T2 đã trả cho Hoàng Thị H 06 lần tiền lãi tổng cộng 21.000.000 đồng; số tiền còn lại 91.000.000 đồng gồm tiền vay gốc ban đầu và tiền lãi phát sinh trước khi chốt nợ đến nay Lương Thị T2 vẫn chưa trả được cho Hoàng Thị H.

Tổng số tiền Hoàng Thị H đã tính để thu lợi bất chính từ việc cho Lương Thị T2 vay là  $26.712.300 \text{ đồng} + 12.499.500 \text{ đồng} = 39.211.800 \text{ đồng}$ , nhưng thực tế Hoàng Thị H mới thu được  $3.000.000 \text{ đồng} + 21.000.000 \text{ đồng} = 24.000.000 \text{ đồng}$ , như vậy số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là  $18.211.800\text{đồng}$ , lãi hợp pháp là 5.788.200đồng.

3. Hoàng Thị T3, sinh năm 1963, trú tại khối phố 5B (nay là khối phố Cam Thủy), thị trấn Bình Gia, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn vay 3 lần cụ thể:

*Khoản vay thứ nhất:* Ngày 14/02/2019, Hoàng Thị T3 vay Hoàng Thị H 10.000.000đồng với lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm). Đến tháng 9/2019, Hoàng Thị T3 đã trả cho Hoàng Thị H 07 tháng tiền lãi là 7.000.000 đồng, còn nợ tiền vay gốc.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm tính lãi và chốt nợ theo thỏa thuận là 07 tháng tiền lãi; tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là  $10.000.000\text{đồng} \times 1,667/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 1.166.900\text{đồng}$ ; số tiền Hoàng Thị H đã thu lợi bất chính là  $7.000.000\text{đồng} - 1.166.900\text{đồng} = 5.833.100\text{đồng}$ .

*Khoản vay thứ hai:* Ngày 12/5/2019, Hoàng Thị T3 vay Hoàng Thị H 5.000.000đồng với lãi suất 10%/tháng (tương đương 120%/năm). Đến tháng 9/2019, Hoàng Thị T3 đã trả cho Hoàng Thị H 04 tháng tiền lãi là 2.000.000 đồng và chốt nợ gốc không tiếp tục tính lãi.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm tính lãi và chốt nợ theo thỏa thuận là 04 tháng tiền lãi; tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là  $5.000.000\text{đồng} \times 1,667\%/ \text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 333.400\text{đồng}$ ; số tiền Hương thu lợi bất chính là  $2.000.000\text{đồng} - 333.400\text{đồng} = 1.666.600\text{đồng}$ .

*Khoản vay thứ ba:* Đến tháng 10/2019, do Hoàng Thị T3 không thanh toán được tiền lãi của khoản vay ngày 14/2/2019 nêu trên, hai bên thống nhất gộp số tiền lãi chưa trả với tiền vay gốc của cả 2 khoản vay trước, tổng cộng 16.000.000đồng và tiếp tục tính lãi suất 10%/tháng (120%/năm). Hoàng Thị T3 đã trả cho Hoàng Thị H 02 tháng tiền lãi là 3.200.000 đồng; số tiền vay gốc Hoàng Thị T3 chưa trả cho Hoàng Thị H.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm trả lãi theo thỏa thuận là 02 tháng; tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là  $16.000.000\text{đồng} \times 1,667\%/ \text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 533.440\text{đồng}$ ; số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là  $3.200.000\text{đồng} - 533.440\text{đồng} = 2.666.560\text{đồng}$ .

Tổng số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính từ việc cho Hoàng Thị T3 vay tiền là  $5.833.100\text{đồng} + 1.666.600\text{đồng} + 2.666.560\text{đồng} = 10.166.260\text{đồng}$ .

4. Nông Ngọc A, sinh năm 1980, trú tại thôn Thuận Như 1, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn vay 2 lần cụ thể:

*Khoản vay thứ nhất:* Ngày 23/6/2019, Nông Ngọc A vay Hoàng Thị H 20.000.000đồng với lãi suất 4.000đồng /1.000.000đồng/01 ngày (tương đương 146%/01 năm). Đến ngày 06/11/2019, hai bên thỏa thuận tính tổng cộng 135 ngày tiền lãi là 10.800.000 đồng và Nông Ngọc A đã trả lãi cho Hoàng Thị H theo thỏa thuận. Số tiền vay gốc Nông Ngọc A vẫn chưa trả được cho Hoàng Thị H.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm trả lãi theo thỏa thuận là 135 ngày; số tiền lãi hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là  $547,95\text{đồng}/1.000.000\text{đồng} \times 20.000.000\text{đồng} \times 135 \text{ ngày} = 1.479.465\text{đồng}$ ; số tiền

Hoàng Thị H thu lợi bất chính là:  $10.800.000\text{đồng} - 1.479.465\text{đồng} = 9.320.535\text{đồng}$ .

Khoản vay thứ hai: Ngày 07/11/2019, Nông Ngọc A tiếp tục vay Hoàng Thị H 20.000.000đồng; hai bên thỏa thuận gộp hai khoản vay thành một khoản vay mới tổng cộng là 40.000.000đồng với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Đối với khoản vay này, Nông Ngọc A mới trả được cho Hoàng Thị H số tiền lãi là 4.300.000đồng; số tiền lãi còn lại và tiền vay gốc Nông Ngọc A chưa trả được.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng đến thời điểm Hoàng Thị H tính lãi với Nông Ngọc A theo thỏa thuận là 30 ngày; như vậy, lãi suất hợp pháp mà Hoàng Thị H được hưởng tối đa là  $547,95\text{đồng}/1.000.000\text{đồng} \times 40.000.000\text{đồng} \times 30\text{ ngày} = 657.540\text{đồng}$ ; số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là  $4.300.000\text{đồng} - 657.540\text{đồng} = 3.642.460\text{đồng}$ . Hoàng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc cho Nông Ngọc A vay tiền là  $9.320.535\text{đồng} + 3.642.460\text{đồng} = 12.962.995\text{đồng}$ .

Tổng số tiền Hoàng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc cho Hoàng Thị T1, Lương Thị T2, Hoàng Thị T3 và Nông Ngọc A vay là  $33.265.027,5\text{đồng} + 18.211.800\text{đồng} + 10.166.260\text{đồng} + 12.962.995\text{đồng} = 74.606.082,5\text{đồng}$ .

Vật chứng thu được gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REDMI6, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Kim T4 và Dương Thị Nói, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Kim T và Hoàng Thị H, 5 giấy vay tiền, 10 tờ mẫu giấy vay tiền chưa qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm Hoàng Thị T1, Lương Thị T2, Hoàng Thị T3 tại cơ quan điều tra đều có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền lãi thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu được. Tại phiên tòa anh Nông Ngọc A yêu cầu bị cáo phải trả lại khoản tiền thu lợi bất chính theo quy định.

Đối với các khoản vay của các bà Hoàng Thị K, Hoàng Thị B1 và anh Hoàng Văn B, do là người trong họ của bị cáo Hoàng Thị H, khi vay bị cáo không tính lãi, nên không xem xét trong vụ án này.

Tại bản Cáo trạng số: 37/CT-VKS-P1, ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố Hoàng Thị H ra trước Tòa án nhân dân huyện Bình Gia để xét xử bị cáo Hoàng Thị H về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Sau khi công bố cáo trạng, Kiểm sát viên công bố một số thay đổi, bổ sung của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về nội dung Cáo trạng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cụ thể là rút đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần đối với bị cáo và có sự thay đổi về tổng số tiền lãi bị cáo Hoàng Thị H đã thu được của Lương Thị T2 và Hoàng Thị T3.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo Quyết định phân công Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới số 11/QĐ-VKS- P1 ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, phát biểu quan điểm luận tội Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử

tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 36, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Hoàng Thị H từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, xem xét áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng, xem xét tịch thu số tiền cho vay là công cụ phương tiện phạm tội và lãi phát sinh do hành vi phạm tội trong phạm vi 20%/năm để sung công quỹ Nhà nước, buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi thu lợi bất chính cho từng người vay ngoài phạm vi 20%/ năm trở lên, xem xét xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các chị Hoàng Thị T1, bà Hoàng Thị T3, ông Hoàng Kim T4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, không có lý do, riêng chị Lương Thị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy cần xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2019, Hoàng Thị H đã cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự trái với quy định của Nhà nước về lãi suất gồm những người vay sau: Người thứ nhất Hoàng Thị T1, vay 2 lần, lần 1 ngày 30/5/2018, Hoàng Thị T1 vay 25.000.000đồng với lãi suất 5.000đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Đến tháng 10/2018, Hoàng Thị T1 đã trả cho Hoàng Thị H 150 ngày tiền lãi là 18.750.000đồng. Lần 2 ngày 15/6/2018, Hoàng Thị T1 đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố đẻ là ông Hoàng Kim T4 đến cầm cố, vay 40.000.000đồng với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Đến tháng 10/2018, Hoàng Thị T1 đã trả cho Hoàng Thị H 120 ngày tiền lãi là 19.200.000đồng. Tổng số tiền Hoàng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc cho Hoàng Thị T1 vay là 33.265.027,5đồng, tổng số tiền lãi hợp pháp là 4.684.972,5đồng. Người thứ hai Lương Thị T2, vay 2 lần, lần 1 ngày 30/4/2018 âm lịch, Lương Thị T2 vay 40.000.000đồng với lãi suất 5.000đồng/ 1.000.000đồng/01 ngày. Sau khi vay, Lương Thị T2 chỉ trả được cho Hoàng Thị H số tiền lãi là 3.000.000đồng. Đến 25/11/2018 dương lịch, hai bên thỏa thuận tính 05 tháng tương đương với 150 ngày tiền lãi là 30.000.000đồng; chốt nợ cộng cả gốc và lãi là 67.000.000đồng. Lần 2 ngày 19/5/2018 âm lịch, Lương Thị T2 vay 30.000.000đồng với lãi suất 10%/tháng. Đến ngày 25/11/2018 dương lịch, hai bên thỏa thuận tính tổng cộng 05

tháng tiền lãi là 15.000.000đồng, chốt nợ cộng cả gốc và lãi là 45.000.000đồng. Tổng số tiền Hoàng Thị H đã tính để thu lợi bất chính từ việc cho Lương Thị T2 vay là 39.211.800đồng, nhưng thực tế Hương mới thu được 24.000.000đồng, trong đó có tổng số lãi thu lợi bất chính là 18.211.800đồng, tổng số tiền lãi hợp pháp là 5.788.200đồng. Người thứ ba Hoàng Thị T3, vay 3 lần, lần 1 ngày 14/02/2019, Hoàng Thị T3 vay 10.000.000đồng với lãi suất 10%/tháng. Đến tháng 9/2019, Hoàng Thị T3 đã trả 07 tháng tiền lãi là 7.000.000đồng, số tiền Hoàng Thị H đã thu lãi hợp pháp là 1.166.900đồng. Lần 2 ngày 12/5/2019, Hoàng Thị T3 vay 5.000.000đồng với lãi suất 10%/tháng. Đến tháng 9/2019, Hoàng Thị T3 đã trả 04 tháng tiền lãi là 2.000.000đồng, số tiền Hoàng Thị H thu lãi hợp pháp là 333.440đồng. Lần 3 đến tháng 10/2019, do Hoàng Thị T3 không thanh toán được tiền lãi của khoản vay ngày 14/2/2019 nêu trên, hai bên thống nhất gộp số tiền lãi chưa trả với tiền vay gốc của cả 2 khoản vay trước, tổng cộng 16.000.000đồng và tiếp tục tính lãi suất 10%/tháng. Hoàng Thị T3 đã trả 02 tháng tiền lãi là 3.200.000đồng, số tiền Hoàng Thị H thu lãi hợp pháp là 533.440đồng. Tổng số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính từ việc cho Hoàng Thị T3 vay tiền là 10.166.260đồng, tổng số tiền lãi hợp pháp là 2.033.740đồng. Người thứ tư Nông Ngọc A, vay 2 lần, lần 1 ngày 23/6/2019, Nông Ngọc A vay 20.000.000đồng với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Đến ngày 06/11/2019, hai bên thỏa thuận tính tổng cộng 135 ngày tiền lãi là 10.800.000đồng và Nông Ngọc A đã trả lãi theo thỏa thuận 10.800.000đồng, số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 9.320.535đồng. Lần 2 ngày 07/11/2019, Nông Ngọc A tiếp tục vay 20.000.000đồng, hai bên thỏa thuận gộp hai khoản vay thành một khoản vay mới tổng cộng là 40.000.000đồng với lãi suất 4.000đồng/1.000.000đồng/ 01 ngày. Đối với khoản vay này, Nông Ngọc A mới trả được số tiền lãi là 4.300.000đồng; số tiền lãi còn lại và tiền vay gốc Nông Ngọc A chưa trả được, số tiền Hoàng Thị H thu lợi bất chính là 3.642.460đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc cho Nông Ngọc A vay tiền là 12.962.995đồng, tổng số tiền lãi hợp pháp là 2.137.005đồng. Tổng cộng số tiền Hoàng Thị H đã thu lợi bất chính từ việc cho Hoàng Thị T1, Lương Thị T2, Hoàng Thị T3 và Nông Ngọc A vay là 74.606.082,5đồng, tổng số tiền lãi hợp pháp là 14.643.917,5đồng.

[3] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không kêu oan và không có ý kiến tranh luận với kiểm sát viên.

[4] Về yếu tố cấu thành tội phạm: Bị cáo Hoàng Thị H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đã được pháp luật cấm, nhưng vì hám lợi bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, mức lãi suất bị cáo thu của người vay với các mức 182,5%/ năm và 146%/năm đã vượt quá 5 lần mức lãi cơ bản đã được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm và tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo thu được là 74.606.082,5đồng, hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi kinh tế của người khác trong giao dịch dân sự, gây

phương hại đến chính sách Nhà nước về quản lý trật tự kinh tế, xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, từ các chứng cứ đã thu thập được và được thẩm tra công khai tại phiên tòa cho thấy: Hành vi của Hoàng Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Hoàng Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình Sự là có cơ sở.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[6] Về tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích để thu lợi bất chính là hành vi bị pháp luật cấm, gây ra xáo trộn về trật tự trị an tại địa bàn, gây ra dư luận xấu trong nhân dân, loại tội phạm này là nguyên nhân dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật như đòi nợ thuê .v.v.

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; chưa bị xử phạt hành chính lần nào.

[8] Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự cho nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ trong khung hình phạt, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ là 06 ngày và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Gia giám sát, giáo dục, thấy bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định để khấu trừ phần trăm thu nhập để sung quỹ Nhà nước, nên cần buộc bị cáo phải thực hiện lao động phục vụ cộng đồng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo kết quả xác minh thì thấy bị cáo có tài sản là 01 thửa đất vườn diện tích 2.418,4 m<sup>2</sup>, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo một mức hợp lý là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm góp phần đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn.

[10] Về khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính: Trong vụ án này, những người vay tiền chỉ vì thiếu hiểu biết pháp luật, nên đã vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đây là giao dịch dân sự vô hiệu, tuy nhiên mục đích vay tiền để kinh doanh hợp pháp, nên cần xem xét buộc bị cáo phải trả lại số tiền bị cáo thu lợi bất chính cho từng người vay với tổng số tiền lãi thu lợi bất chính là 74.606.082,5đồng, là phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự, Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

[11] Về khoản tiền gốc cho vay và tiền lãi hợp pháp: Tiền gốc cho vay tổng cộng là 190.000.000đồng bị cáo cho vay để tính lãi nặng thu lợi bất chính, thấy đây là công cụ phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, trong các khoản tiền cho vay, thì Hoàng Thị T1 đã trả lại tiền gốc cho bị cáo là 25.000.000đồng, số tiền gốc còn lại là 165.000.000đồng hiện đang được những người vay quản lý, số tiền lãi bị cáo đã nhận của những người vay trong phạm vi 20% là tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội của bị cáo tổng cộng là 14.643.917,5đồng, nên cần tịch thu 2 khoản tiền trên của bị cáo Hoàng Thị H để sung quỹ Nhà nước. Đối với 02 khoản



tiền lãi của chị Lương Thị T2 chưa trả được cho bị cáo tổng cộng là 21.000.000đồng và tiền lãi bà Hoàng Thị T3 chưa trả được cho Hoàng Thị H là 1.000.000đồng, trên thực tế bị cáo Hoàng Thị H chỉ tính toán số tiền lãi và cộng gộp vào tiền gốc lấy con số để tính tiền lãi tiếp theo, nhưng chưa thu được tiền của người vay nên không có căn cứ tịch thu 02 khoản tiền này.

[12] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REDMI6 bị cáo sử dụng vào việc liên lạc thực hiện hành vi giao dịch dân sự trái pháp luật, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Kim T4 và Dương Thị Nói là của bố mẹ Hoàng Thị T1 cầm cố khi vay tiền, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Kim T và Hoàng Thị H là của vợ chồng bị cáo, xét thấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần trả lại cho chủ quản lý hợp pháp của giấy tờ trên. 01 quyển sổ ghi chép các khoản tiền cho vay, 05 giấy vay tiền là tài liệu chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án. Đối với 10 tờ mẫu giấy vay tiền cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo Hoàng Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và khoản tiền án phí có giá ngạch đối với khoản tiền thu lợi bất chính là  $74.606.082,5\text{đồng} \times 5\% = 3.730.000\text{đồng}$  theo quy định.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên cơ bản có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận trong phần quyết định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 1 và 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; các khoản 1, 2 và 4 Điều 36, các điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các khoản 1 và 2 Điều 131, các khoản 1 và 2 Điều 280, các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 2, các điểm a, b khoản 2, các điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các khoản 1 và 3 Điều 21, các điểm a và c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị H phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Phạt bị cáo Hoàng Thị H 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ. Được trừ đi thời gian tạm giữ là 06 ngày  $\times 3 = 18$  ngày. Thời gian bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 17 (mười bảy) tháng 12 (mười hai) ngày tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Gia nhận được Bản án và quyết định thi hành bản án.

Giao bị cáo Hoàng Thị H cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục, giao công việc lao động phục vụ cộng đồng cho bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục và thông báo kết quả chấp hành án của bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Gia khi có yêu cầu; phải có mặt tại cuộc họp kiểm điểm người chấp hành án theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thị trấn Bình Gia được giao giám sát, giáo dục.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị kiểm điểm, nếu tái phạm thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trường hợp người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hoàng Thị H số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà Nước.

**2. Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Hoàng Thị H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu được cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cụ thể từng người sau:

- Trả lại cho chị Hoàng Thị T1 số tiền là 33.265.027,5đồng (ba mươi ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm hai mươi bảy phẩy năm đồng).

- Trả lại cho chị Lương Thị T2 số tiền là 18.211.800đồng (mười tám triệu hai trăm mười một nghìn tám trăm đồng).

- Trả lại cho bà Hoàng Thị T3 số tiền là 10.166.260đồng (mười triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

- Trả lại cho anh Nông Ngọc A số tiền là 12.962.995đồng (mười hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của bên được trả tiền, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:**

- Truy thu sung quỹ Nhà nước các khoản tiền gốc của bị cáo Hoàng Thị H cho vay, những khoản tiền này đang do những người vay đang quản lý cụ thể:

- + Chị Hoàng Thị T1 số tiền là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

- + Chị Lương Thị T2 số tiền là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

- + Bà Hoàng Thị T3 số tiền là 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng).

- + Anh Nông Ngọc A số tiền là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REDMI 6 của bị cáo Hoàng Thị H.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước các khoản tiền lãi 20%/năm do thực hiện hành vi phạm tội mà có của bị cáo Hoàng Thị H đã thu được của những người vay cụ thể:

- + Thu được của chị Hoàng Thị T1 2 lần tổng số tiền là 4.684.972,5đồng (bốn triệu sáu trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai phẩy lăm đồng).

+ Thu được của chị Lương Thị T2 2 lần tổng số tiền là 5.788.200đồng (năm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn hai trăm đồng).

+ Thu được của bà Hoàng Thị T3 3 lần tổng số tiền là 2.033.740đồng (hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

+ Thu được của anh Nông Ngọc A 2 lần tổng số tiền là 2.137.005đồng (hai triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm không chục linh năm đồng). Tổng cộng số tiền cần tịch thu là 14.643.917,5đồng.

- Trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BD 684271 mang tên Hoàng Kim T4 và bà Dương Thị Nói cho ông Hoàng Kim T4.

- Trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BE 318753 mang tên Hoàng Kim T và Hoàng Thị H cho ông Hoàng Kim T.

- Tịch thu tiêu hủy 10 tờ mẫu giấy vay tiền.

**4. Về án phí:** Buộc bị cáo Hoàng Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí có giá ngạch là 3.730.000đồng. Tổng cộng án phí bị cáo phải chịu là 3.930.000đồng (ba triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các chị Hoàng Thị T1, Lương Thị T2, bà Hoàng Thị T3, ông Hoàng Kim T4, vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú./.

***Nơi nhận:***

- Toà án ND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư Pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Công an huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia;
- Bị cáo, người liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Khởi**





